Trung tâm GDNN-GDTX Bến Cát
Năm học 2025 - 2026
Học kỳ 2

# THỜI KHOÁ BIỂU HV

**Số 31**

*Thực hiện từ ngày 04 tháng 05 năm 2026*

| THỨ | TIẾT | 10A1 (Cường) | | 10A2 (Đồng) | | 10A3 (Thị Xuân) | | 10B1 (Cúc) | | 10B2 (Lê Na) | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều |
| 2 | 1 | | Lí - Phương | | Hóa - Mùa | | Toán - Trường | Chào cờ | | Chào cờ | |
| | 2 | | CĐ(Lí) - Phương | | Văn - Cường | | Sử - Cúc | Địa - Thuận | | Sinh - Lê Na | |
| | 3 | | Hóa - Mùa | | Toán - Đồng | | Văn - Dũng | Sử - Cúc | | Sinh - Lê Na | |
| | 4 | | CN - Hải | | Lí - Thị Xuân | | Văn - Dũng | | | | |
| | 5 | | Chào cờ | | Chào cờ | | Chào cờ | | | | |
| 3 | 1 | | Hóa - Mùa | | CĐ(Lí) - Phương | | CĐ(Hóa) - AnhH | Văn - Bích | | Văn - Dũng | |
| | 2 | | Toán - AnhT | | Hóa - Mùa | | Hóa - AnhH | Văn - Bích | | Văn - Dũng | |
| | 3 | | Lí - Phương | | HĐTN-HN - Mùa | | CN - Tiến | HĐTN-HN - Tấn Dũng | | Lí - Huyên | |
| | 4 | | Sinh - Lê Na | | CN - Hải | | HĐTN-HN - Mùa | HĐTN-HN - Tấn Dũng | | CĐ(Lí) - Huyên | |
| | 5 | | Sinh - Lê Na | | CĐ(Hóa) - Mùa | | Sinh - Tú | | | CĐ(CN) - Di | |
| 4 | 1 | | CĐ(Hóa) - Mùa | | Văn - Cường | | Lí - Thị Xuân | CĐ(CN) - Tiến | | Toán - AnhT | |
| | 2 | | Sử - Trang-sử | | Văn - Cường | | CĐ(Lí) - Thị Xuân | Văn - Bích | | Toán - AnhT | |
| | 3 | | CN - Hải | | Sử - Trang-sử | | CN - Tiến | CN - Tiến | | Địa - Thuận | |
| | 4 | | Văn - Cường | | HĐTN-HN - Mùa | | Toán - Trường | CN - Tiến | | Lí - Huyên | |
| | 5 | | Văn - Cường | | CN - Hải | | Toán - Trường | Toán - AnhT | | | |
| 5 | 1 | | HĐTN-HN - Mùa | | Sinh - Nụ | | Hóa - AnhH | Địa - Thuận | | Văn - Dũng | |
| | 2 | | HĐTN-HN - Mùa | | Sinh - Nụ | | Sinh - Tú | Toán - AnhT | | Địa - Thuận | |
| | 3 | | | | | | | Toán - AnhT | | HĐTN-HN - Tấn Dũng | |
| | 4 | | | | | | | CĐ(Lí) - Phương | | HĐTN-HN - Tấn Dũng | |
| | 5 | | | | | | | Lí - Phương | | Toán - AnhT | |
| 6 | 1 | | Toán - AnhT | | CĐ(CN) - Hải | | HĐTN-HN - Mùa | CĐ(Sinh) - Tú | | CN - Di | |
| | 2 | | Toán - AnhT | | Toán - Đồng | | CĐ(CN) - Tiến | Sinh - Tú | | CN - Di | |
| | 3 | | Văn - Cường | | Toán - Đồng | | Lí - Thị Xuân | Sinh - Tú | | CĐ(Sinh) - Lê Na | |
| | 4 | | CĐ(CN) - Hải | | Lí - Thị Xuân | | Văn - Dũng | Lí - Phương | | Sử - Cúc | |
| | 5 | | SHL - Cường | | SHL - Đồng | | SHL - Thị Xuân | SHL - Cúc | | SHL - Lê Na | |
| 7 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |

Trung tâm GDNN-GDTX Bến Cát
Năm học 2025 - 2026
Học kỳ 2

# THỜI KHOÁ BIỂU HV

**Số 31**

*Thực hiện từ ngày 04 tháng 05 năm 2026*

| THỨ | TIẾT | 10B3 (Di) | | 11A1 (Tiến) | | 11A2 (Lai) | | 11B1 (Thuận) | | 11B2 (Trang-PL) | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều |
| 2 | 1 | Chào cờ | | | CĐ(Lí) - Hà | | Sử - Cúc | Chào cờ | | Chào cờ | |
| | 2 | CN - Di | | | Văn - Bích | | Hóa - Mùa | GDKTPL - Trang-PL | | CĐ(Lí) - Thanh Xuân | |
| | 3 | CĐ(CN) - Di | | | Sử - Nga | | Văn - Bích | CĐ (Sử) - Trang-sử | | Văn - Cường | |
| | 4 | | | | CĐ(Hóa) - Mùa | | CĐ(CN) - Tiến | CĐ(Lí) - Thị Xuân | | | |
| | 5 | | | | Chào cờ | | Chào cờ | | | | |
| 3 | 1 | Lí - Huyên | | | CN - Tiến | | Lí - Hà | Toán - Trường | | CĐ(Sinh) - Nụ | |
| | 2 | CĐ(Lí) - Huyên | | | Lí - Hà | | CN - Tiến | HĐTN-HN - Lai | | Toán - Trường | |
| | 3 | CN - Di | | | Lí - Hà | | Toán - AnhT | Lí - Thị Xuân | | Toán - Trường | |
| | 4 | Văn - Bích | | | Toán - Trường | | GDKTPL - Trang-PL | Văn - Dũng | | Lí - Thị Xuân | |
| | 5 | Văn - Bích | | | Toán - Trường | | GDKTPL - Trang-PL | Văn - Dũng | | Sinh - Nụ | |
| 4 | 1 | Sử - Cúc | | | Toán - Trường | | Văn - Bích | CĐ(Sinh) - Nụ | | HĐTN-HN - Trang-PL | |
| | 2 | Lí - Huyên | | | Hóa - Mùa | | Văn - Bích | Sử - Trang-sử | | HĐTN-HN - Trang-PL | |
| | 3 | Toán - AnhT | | | Văn - Bích | | Hóa - Mùa | HĐTN-HN - Lai | | Sinh - Nụ | |
| | 4 | Toán - AnhT | | | Văn - Bích | | CN - Tiến | Sinh - Nụ | | Địa - Thuận | |
| | 5 | | | | HĐTN-HN - Tiến | | CĐ(Hóa) - Mùa | | | | |
| 5 | 1 | Sinh - Nụ | | | GDKTPL - Trang-PL | | Toán - AnhT | GDKTPL - Trang-PL | | Toán - Trường | |
| | 2 | Sinh - Nụ | | | GDKTPL - Trang-PL | | Toán - AnhT | Toán - Trường | | CĐ (Sử) - Trang-sử | |
| | 3 | Địa - Thuận | | | | | | Toán - Trường | | GDKTPL - Trang-PL | |
| | 4 | Toán - AnhT | | | | | | Văn - Dũng | | Sử - Trang-sử | |
| | 5 | Văn - Bích | | | | | | | | Địa - Thuận | |
| 6 | 1 | Địa - Thuận | | | CĐ(CN) - Tiến | | Lí - Hà | Lí - Thị Xuân | | Văn - Cường | |
| | 2 | CĐ(Sinh) - Nụ | | | Hóa - Mùa | | CĐ(Lí) - Hà | Địa - Thuận | | Văn - Cường | |
| | 3 | HĐTN-HN - Di | | | HĐTN-HN - Tiến | | HĐTN-HN - Lai | Địa - Thuận | | Lí - Thị Xuân | |
| | 4 | HĐTN-HN - Di | | | CN - Tiến | | HĐTN-HN - Lai | Sinh - Nụ | | GDKTPL - Trang-PL | |
| | 5 | SHL - Di | | | SHL - Tiến | | SHL - Lai | SHL - Thuận | | SHL - Trang-PL | |
| 7 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |

Trung tâm GDNN-GDTX Bến Cát
Năm học 2025 - 2026
Học kỳ 2

# THỜI KHOÁ BIỂU HV

**Số 31**

*Thực hiện từ ngày 04 tháng 05 năm 2026*

| THỨ | TIẾT | 11B3 (Vinh) | | 11C1 (Hải) | | 11C2 (Tấn Dũng) | | 11C3 (Huyên) | | 12A1 (Nga) | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều |
| 2 | 1 | Chào cờ | | | Văn - Dũng | | Sử - Trang-sử | | Sử - Nga | Chào cờ | |
| | 2 | Sử - Trang-sử | | | Văn - Dũng | | CĐ (Sử) - Trang-sử | | CĐ (Sử) - Nga | GDKTPL - Thủy | |
| | 3 | Lí - Thị Xuân | | | CĐ (Sử) - Trang-sử | | Toán - Trường | | Văn - Cường | Lí - Phương | |
| | 4 | GDKTPL - Trang-PL | | | HĐTN-HN - Lai | | HĐTN-HN - Tấn Dũng | | Lí - Huyên | CĐ(Lí) - Phương | |
| | 5 | | | | Chào cờ | | Chào cờ | | Chào cờ | | |
| 3 | 1 | Lí - Thị Xuân | | | Sinh - Lê Na | | Toán - Trường | | Sinh - Tú | CĐ(CN) - Phát | |
| | 2 | CĐ(Lí) - Thị Xuân | | | Sinh - Lê Na | | Toán - Trường | | Sinh - Tú | CN - Phát | |
| | 3 | Văn - Dũng | | | Toán - Trường | | Sinh - Tú | | CN - Di | CN - Phát | |
| | 4 | HĐTN-HN - Vinh | | | Địa - Hưng | | CN - Di | | Toán - AnhT | HĐTN-HN - Hạnh | |
| | 5 | HĐTN-HN - Vinh | | | CN - Hải | | CN - Di | | Địa - Hưng | HĐTN-HN - Hạnh | |
| 4 | 1 | Địa - Thuận | | | Sử - Trang-sử | | Địa - Hưng | | CĐ(Lí) - Huyên | Toán - Bé | |
| | 2 | Địa - Thuận | | | Toán - Trường | | Địa - Hưng | | Lí - Huyên | Toán - Bé | |
| | 3 | GDKTPL - Trang-PL | | | Toán - Trường | | CĐ(Lí) - Huyên | | CN - Di | Văn - Bích | |
| | 4 | CĐ (Sử) - Trang-sử | | | Lí - Huyên | | CĐ(CN) - Di | | Địa - Hưng | Văn - Bích | |
| | 5 | | | | Địa - Hưng | | Lí - Huyên | | CĐ(CN) - Di | | |
| 5 | 1 | Sinh - Lê Na | | | Văn - Dũng | | Sinh - Tú | | HĐTN-HN - Tấn Dũng | Toán - Bé | |
| | 2 | Văn - Dũng | | | CĐ(Lí) - Hà | | Văn - Dũng | | HĐTN-HN - Tấn Dũng | CĐ (Sử) - Nga | |
| | 3 | Văn - Dũng | | | | | | | | Hóa - AnhH | |
| | 4 | Toán - Cành | | | | | | | | GDKTPL - Thủy | |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 6 | 1 | Sinh - Lê Na | | | HĐTN-HN - Lai | | Văn - Dũng | | Văn - Cường | Lí - Phương | |
| | 2 | Toán - Cành | | | CN - Hải | | Văn - Dũng | | Văn - Cường | Văn - Bích | |
| | 3 | Toán - Cành | | | CĐ(CN) - Hải | | Lí - Huyên | | Toán - AnhT | Hóa - AnhH | |
| | 4 | CĐ(Sinh) - Lê Na | | | Lí - Huyên | | HĐTN-HN - Tấn Dũng | | Toán - AnhT | Sử - Nga | |
| | 5 | SHL - Vinh | | | SHL - Hải | | SHL - Tấn Dũng | | SHL - Huyên | SHL - Nga | |
| 7 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |

Trung tâm GDNN-GDTX Bến Cát
Năm học 2025 - 2026
Học kỳ 2

# THỜI KHOÁ BIỂU HV

**Số 31**

*Thực hiện từ ngày 04 tháng 05 năm 2026*

| THỨ | TIẾT | 12A2 (Hà) | | 12A3 (AnhV) | | 12B1 (Thủy) | | 12B2 (Nụ) | | 12B3 (Thanh) | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều |
| 2 | 1 | Chào cờ | Toán+ - Cành | Chào cờ | | Chào cờ | | Chào cờ | Văn+ - Bích | Chào cờ | Toán+ - Đồng |
| | 2 | CĐ(Lí) - Hà | Lí+ - Hà | Văn - AnhV | | Địa - Hưng | | Sinh - Nụ | Toán+ - Cành | CĐ (Sử) - Nga | GDKTPL+ - Thủy |
| | 3 | Lí - Hà | | Văn - AnhV | | GDKTPL - Thủy | | Địa - Hưng | | Văn - Thanh | |
| | 4 | | | | | | | Văn - Bích | | Toán - Đồng | |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 3 | 1 | Hóa - AnhH | | GDKTPL - Thủy | | Sinh - Tú | Toán+ - Bé | Địa - Hưng | | HĐTN-HN - Lai | |
| | 2 | HĐTN-HN - Hạnh | | Hóa - AnhH | | CĐ(Sinh) - Tú | Địa+ - Hưng | CĐ(Sinh) - Nụ | | GDKTPL - Thủy | |
| | 3 | HĐTN-HN - Hạnh | | HĐTN-HN - Yến | | Địa - Hưng | | GDKTPL - Thủy | | Tin - Lai | |
| | 4 | CN - Phát | | HĐTN-HN - Yến | | Toán - Bé | | Sinh - Nụ | | Địa - Hưng | |
| | 5 | | | | | | | CĐ(Tin) - Tấn Dũng | | Địa - Hưng | |
| 4 | 1 | Văn - Bích | | CN - Hải | | CĐ (Sử) - Trang-sử | | Toán - Cành | | Tin - Lai | |
| | 2 | Sử - Cúc | | CN - Hải | | HĐTN-HN - Yến | | Toán - Cành | | Toán - Đồng | |
| | 3 | Toán - Cành | | CĐ(CN) - Hải | | Tin - Yến | | Sử - Trang-sử | | Toán - Đồng | |
| | 4 | Toán - Cành | | Toán - Đồng | | Tin - Yến | | HĐTN-HN - Tấn Dũng | | HĐTN-HN - Lai | |
| | 5 | CĐ (Sử) - Cúc | | Toán - Đồng | | Văn - AnhV | | HĐTN-HN - Tấn Dũng | | | |
| 5 | 1 | GDKTPL - Thủy | | Sử - Nga | Lí+ - Hà | Sử - Trang-sử | | Tin - Tấn Dũng | | CĐ(Tin) - Lai | |
| | 2 | Toán - Cành | | Toán - Đồng | Văn+ - AnhV | CĐ(Tin) - Yến | | Tin - Tấn Dũng | | GDKTPL - Thủy | |
| | 3 | Văn - Bích | | CĐ (Sử) - Nga | | Toán - Bé | | CĐ (Sử) - Trang-sử | | Sinh - Lê Na | |
| | 4 | Văn - Bích | | Hóa - AnhH | | Toán - Bé | | | | Sinh - Lê Na | |
| | 5 | Hóa - AnhH | | GDKTPL - Thủy | | HĐTN-HN - Yến | | | | | |
| 6 | 1 | CN - Phát | | Lí - Hà | | Văn - AnhV | | Toán - Cành | | Sử - Nga | |
| | 2 | CĐ(CN) - Phát | | Lí - Hà | | Văn - AnhV | | GDKTPL - Thủy | | CĐ(Sinh) - Lê Na | |
| | 3 | Lí - Hà | | Văn - AnhV | | GDKTPL - Thủy | | Văn - Bích | | Văn - Thanh | |
| | 4 | GDKTPL - Thủy | | CĐ(Lí) - Hà | | Sinh - Tú | | Văn - Bích | | Văn - Thanh | |
| | 5 | SHL - Hà | | SHL - AnhV | | SHL - Thủy | | SHL - Nụ | | SHL - Thanh | |
| 7 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |

Trung tâm GDNN-GDTX Bến Cát
Năm học 2025 - 2026
Học kỳ 2

# THỜI KHOÁ BIỂU HV

**Số 31**

*Thực hiện từ ngày 04 tháng 05 năm 2026*

| THỨ | TIẾT | 12C1 (AnhH) | | 12C2 (Thanh Xuân) | | 12C3 (Phương) | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều |
| 2 | 1 | Chào cờ | | Chào cờ | | Chào cờ | Văn+ - AnhV | | | | |
| | 2 | Hóa - AnhH | | CĐ(CN) - Vinh | | Sử - Cúc | Toán+ - Đồng | | | | |
| | 3 | CN - Vinh | | Văn - Bích | | Toán - Đồng | | | | | |
| | 4 | Sinh - Lê Na | | CĐ (Sử) - Cúc | | Văn - AnhV | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 3 | 1 | Toán - Bé | | HĐTN-HN - Yến | | CN - Vinh | | | | | |
| | 2 | Toán - Bé | | CN - Vinh | | HĐTN-HN - Yến | | | | | |
| | 3 | CĐ(CN) - Vinh | | Sinh - Nụ | | Sinh - Tú | | | | | |
| | 4 | HĐTN-HN - Lai | | Hóa - AnhH | | Sinh - Tú | | | | | |
| | 5 | Hóa - AnhH | | | | | | | | | |
| 4 | 1 | Văn - AnhV | | Lí - Thanh Xuân | | Lí - Phương | | | | | |
| | 2 | Văn - AnhV | | Sinh - Nụ | | Lí - Phương | | | | | |
| | 3 | Toán - Bé | | CĐ(Lí) - Thanh Xuân | | CĐ (Sử) - Cúc | | | | | |
| | 4 | Lí - Thanh Xuân | | Sử - Cúc | | Văn - AnhV | | | | | |
| | 5 | | | Toán - Cành | | | | | | | |
| 5 | 1 | Văn - AnhV | Lí+ - Thanh Xuân | Văn - Bích | Toán+ - Cành | Hóa - AnhH | | | | | |
| | 2 | Sinh - Lê Na | Hóa+ - AnhH | Hóa - AnhH | Lí+ - Thanh Xuân | Văn - AnhV | | | | | |
| | 3 | HĐTN-HN - Lai | | Toán - Cành | | HĐTN-HN - Yến | | | | | |
| | 4 | CĐ (Sử) - Nga | | HĐTN-HN - Yến | | Toán - Đồng | | | | | |
| | 5 | | | | | Toán - Đồng | | | | | |
| 6 | 1 | CĐ(Lí) - Thanh Xuân | | Văn - Bích | | CĐ(CN) - Vinh | | | | | |
| | 2 | Lí - Thanh Xuân | | CN - Vinh | | CĐ(Lí) - Phương | | | | | |
| | 3 | Sử - Nga | | Lí - Thanh Xuân | | CN - Vinh | | | | | |
| | 4 | CN - Vinh | | Toán - Cành | | Hóa - AnhH | | | | | |
| | 5 | SHL - AnhH | | SHL - Thanh Xuân | | SHL - Phương | | | | | |
| 7 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |